

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NGHỀ
KỶ THI THÁNG 8/2019

STT	MSHS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học (A)	Anh văn (A)	
1	15000281	Tăng Thành Đạt	Nam	25/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Đ	6,1	4,8			X	Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
2	15000059	Nguyễn Quốc Văn Sơn	Nam	17/03/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Đ	7,2	6,6		X	X	Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
3	15000172	Trần Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	12/03/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-KTD	7	6,3		X	.	Nợ học phí,
4	15000034	Tạ Tiến Trường	Nam	08/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-Ô1	6,2	5,4				Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
5	15000102	Phùng Long Ân	Nam	09/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	15TCN-QTM1	6,7	4,9			X	Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Tốt nghiệp Thực hành nghề, Tốt nghiệp Chính trị, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
6	16000097	Nguyễn Quốc Anh	Nam	17/07/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	6,2	6,1				Tốt nghiệp Chính trị,
7	16000471	Dương Vĩ Nghiệp	Nam	14/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-CKL	7,2	4,9				Tốt nghiệp Thực hành nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
8	16000455	Phạm Tuấn Anh	Nam	23/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Đ	6,2	4,9			X	Tốt nghiệp Lý thuyết nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
9	16000555	Huỳnh Trí Đại	Nam	23/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Đ	6,7	6,3			X	Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
10	16000454	Nguyễn Mạnh Đức	Nam	22/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Đ	6,8	6,1			X	Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
11	16003887	Hoàng Phước Ngọc Duy	Nam	22/10/2000	Bình Phước	16TCN-Đ	6,6	6,1			X	Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,

STT	MSHS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học (A)	Anh văn (A)	
12	16003124	Nguyễn Long	Nam	11/02/2001	Bến Tre	16TCN-Đ	6,4	5,9			X	Rốt môn văn hóa. Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
13	16003786	Vũ Đăng	Nam	26/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-Đ	6,4	6,3				Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
14	16001070	Trần Ngọc	Nam	21/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-ĐT	7,2	7,2			X	Tốt nghiệp Chính trị,
15	16000194	Vũ Hồng Nhật	Nữ	05/06/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-KTD	7,6	6,8				Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
16	16001500	Ngọc Long	Nam	12/10/2001	Tây Ninh	16TCN-LĐLI	6,5	6,9			X	Rốt môn văn hóa.
17	16000654	Võ Phú	Nam	27/02/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	16TCN-ÔI	6,9	5,6		X		Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
18	16000828	Phạm Anh	Nam	27/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-ÔI	6,5	6,9				Tốt nghiệp Chính trị,
19	16002461	Mộng Thùy	Nữ	21/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	6,9	6		X		Tốt nghiệp Thực hành nghề,
20	16000283	Nguyễn Trần Quang	Nam	15/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	6,7	5,9			X	Tốt nghiệp Chính trị, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
21	16000594	Đoàn Hồng	Nữ	30/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	6,9	5				Tốt nghiệp Thực hành nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
22	16000044	Tổng Thị Thanh	Nữ	15/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTD	7	6,2		X	X	Tốt nghiệp Lý thuyết nghề,
23	16000240	Vũ Tấn	Nam	24/06/1997	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTMI	7,1	5,8				Tốt nghiệp Thực hành nghề, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5,
24	16001823	Lã Minh	Nam	08/04/2000	Tp. Hồ Chí Minh	16TCN-QTMI	7,5	6,2				Tốt nghiệp Thực hành nghề,

Tổng cộng danh sách có **24** học sinh.

Người lập biểu



Võ Thị Xuân Thơ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO



Nguyễn Thị Nhuận

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ